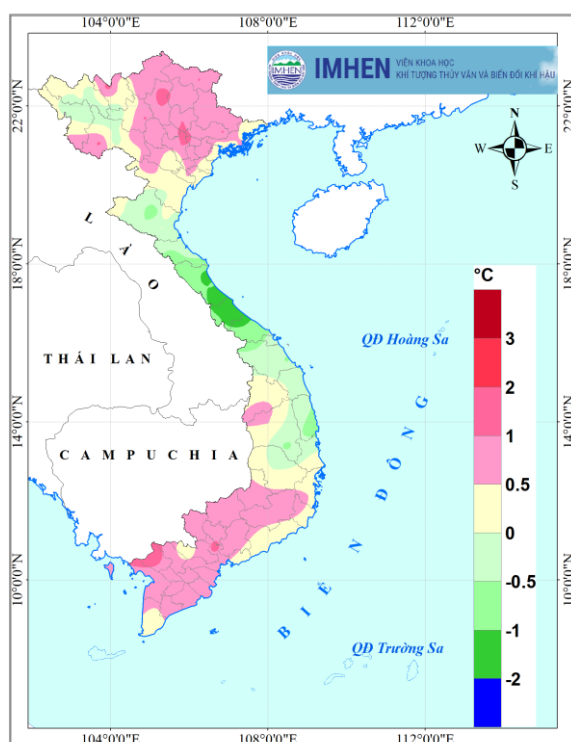
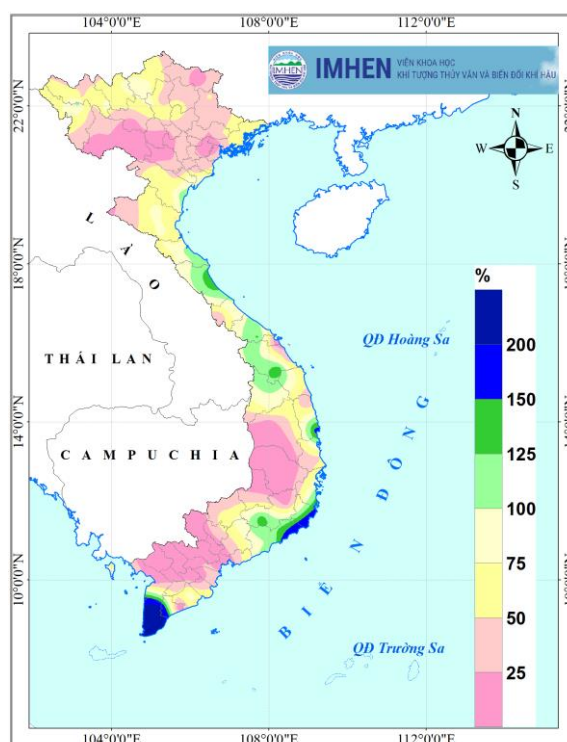


THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5, 6, 7 NĂM 2025



(a)



(b)

Chuẩn sai nhiệt độ (a) và tỷ chuẩn lượng mưa (b) tháng 3/2025



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG - KHÍ HẬU
CENTER FOR METEOROLOGY AND CLIMATOLOGY

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	5
DANH MỤC HÌNH VẼ	5
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 1, 2, 3 NĂM 2025	6
1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực	6
1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam.....	7
1.2.1. Nhiệt độ	7
1.2.2. Lượng mưa	9
1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm	11
1.2.4. Một số hiện tượng khí tượng đặc biệt	13
PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5-7 NĂM 2025	15
2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực.....	15
2.1.1. Hiện tượng ENSO	15
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực	15
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam.....	17
2.2.1. Dự báo nhiệt độ	17
2.2.2. Dự báo lượng mưa.....	17
2.2.3. Hiện tượng cực đoan	17
PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5-7 NĂM 2025.....	18

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của “Thông báo và Dự báo khí hậu” được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: <http://www.imh.ac.vn>.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 - 37 731 410 / +84 24 - 37 756 613

Email: vt_vkttv_khdt@mae.gov.vn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	A	Chỉ số ẩm
2	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
3	BOM	Cơ quan Khí tượng Úc (Bureau of Meteorology)
4	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (Climate Prediction Center)
5	CS	Chuẩn sai
6	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (European Centre for Medium-Range Weather Forecasts)
7	GMMH	Gió mùa mùa hè
8	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu, Trường Khí hậu Columbia, Đại học Columbia, Mỹ (International Research Institute for Climate and Society, The Columbia Climate School, Columbia University)
9	KKL	Không khí lạnh
10	KTTV	Khí tượng thủy văn
11	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
12	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
13	NĐTCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
14	NĐTCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
15	NĐTTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
16	NĐTTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
17	SNM	Số ngày mưa
18	SOI	Chỉ số dao động Nam (Southern Oscillation Index)
19	SST	Nhiệt độ mặt nước biển (Sea Surface Temperature)
20	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (Surface Temperature Anomaly)
21	TBD	Thái Bình Dương
22	TBNN	Trung bình nhiều năm
23	TC	Tỷ chuẩn
24	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
25	TLM	Tổng lượng mưa
26	TSGN	Tổng số giờ nắng
27	XĐ	Xích đạo
28	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 3/2025 tại một số trạm tiêu biểu.....	9
Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng 3/2025 tại một số trạm tiêu biểu	11
Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2025	20

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (°C)	6
Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (4/2020 - 3/2025)	6
Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SOI (4/2020 - 3/2025)	6
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai NDTB mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (°C) trên khu vực châu Á....	7
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai TLM mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (mm) trên khu vực châu Á....	7
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (°C).....	8
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 3/2025 (°C).....	8
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (°C).....	8
Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 3/2025 (°C).....	8
Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (°C)...	8
Hình 1.11. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 3/2025 (°C).....	8
Hình 1.12. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (mm).....	10
Hình 1.13. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (%).....	10
Hình 1.14. Phân bố lượng mưa tháng 3/2025 (mm).....	10
Hình 1.15. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 3/2025 (%).....	10
Hình 1.16. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (ngày)	10
Hình 1.17. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 3/2025 (ngày)	10
Hình 1.18. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (giờ)	12
Hình 1.19. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 3/2025 (giờ)	12
Hình 1.20. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (mm).....	12
Hình 1.21. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 3/2025 (mm).....	12
Hình 1.22. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 1-3 năm 2025.....	12
Hình 1.23. Phân bố chỉ số ẩm tháng 3/2025.....	12
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 5-7 năm 2025	16
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 5-7 năm 2025	16
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2025 cho khu vực châu Á	16
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2025	16
Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2025 cho khu vực châu Á.....	16
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2025.....	16
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2025.....	19
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2025	19

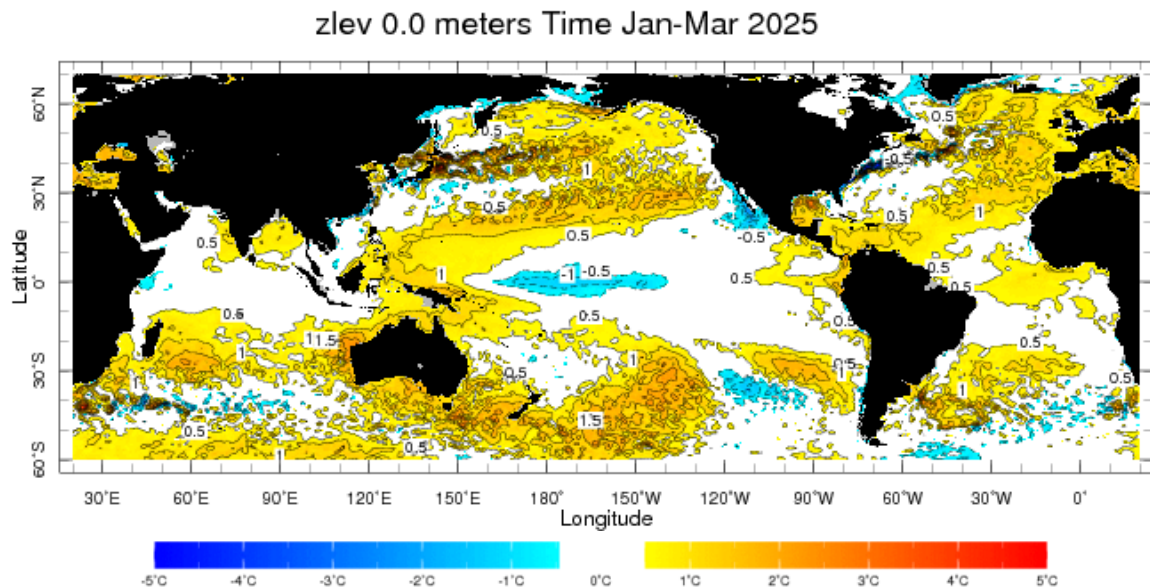
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 1, 2, 3 NĂM 2025

1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực

Diễn biến ENSO, gió mùa và tín phong:

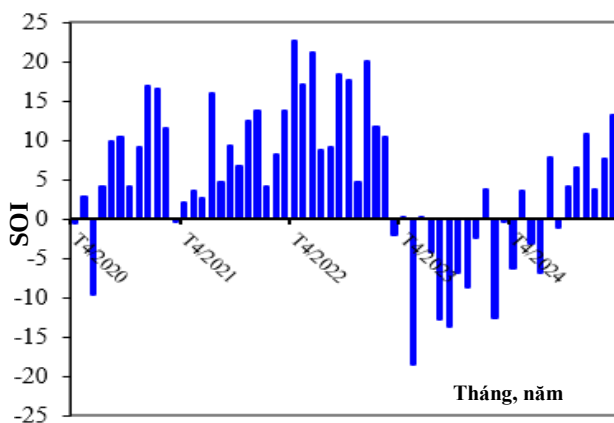
Bản tin của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC) ngày 10/4/2025: Trong tháng 3/2025, *hệ thống khí quyển - đại dương phản ánh các điều kiện trung tính của ENSO*, với nhiệt độ mặt nước biển (SST) ở Trung tâm và Đông xích đạo Thái Bình Dương (XĐTBD) tiếp tục tăng lên nhưng vẫn ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN).

Hình 1.1 cho thấy, chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (SSTA) trung bình mùa tháng 1-3 năm 2025 ở phía Tây và Đông XĐTBD từ 0 đến 0,5°C; khu vực Trung tâm từ -1,0 đến 0°C. Trong 3 tháng qua, tại khu vực NINO3.4, SSTA có giá trị lần lượt là -0,71°C; -0,35°C và 0,1°C (Hình 1.2). Chỉ số dao động Nam (SOI) trong 3 tháng là 3,7; 7,7 và 13,2 (Hình 1.3). Chuẩn sai chỉ số gió tín phong (m/s) ở các khu vực XĐTBD: (1) Phía Tây: 4,2; 3,3 và 5,8; (2) Trung tâm: 2,7; 2,4 và 1,2; (3) Phía Đông: 1,1; -1,4 và -1,7. *Như vậy, trung bình 3 tháng qua, hoạt động của gió tín phong cao hơn TBNN ở phía Tây và Trung tâm, thấp hơn TBNN ở phía Đông.*



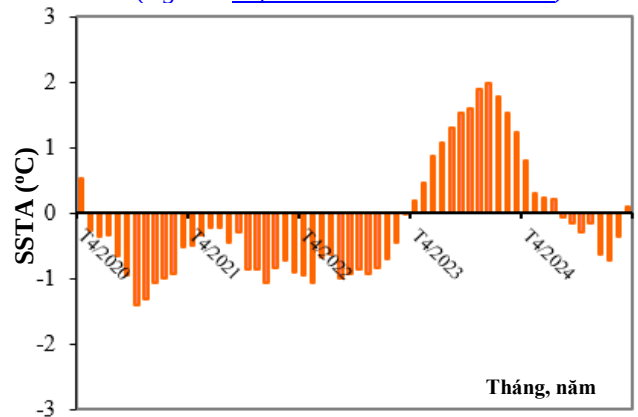
Hình 1.1. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (°C)

(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)



Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (4/2020 - 3/2025)

(Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>)

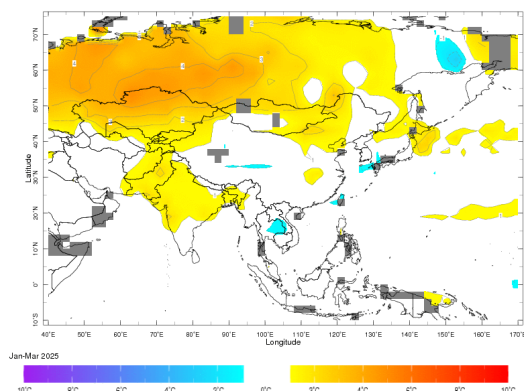


Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SOI (4/2020 - 3/2025)

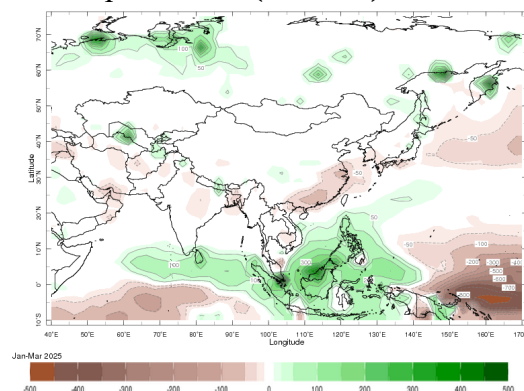
(Nguồn: www.bom.gov.au)

Theo bản tin của Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu (IRI), nhiệt độ trung bình (NĐTĐB) mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 có giá trị từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên hầu hết diện tích châu Á, với chuẩn sai dao động từ 0 đến trên 4,0°C. Đối với lãnh thổ Việt Nam, NĐTĐB mùa 3 tháng qua xấp xỉ TBNN trên phạm vi cả nước (Hình 1.4).

Tổng lượng mưa (TLM) mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 50 đến trên 200 mm trên đa phần diện tích Đông Nam Á; thấp hơn TBNN 25 - 50mm xảy ra ở một phần diện tích bán đảo Đông Dương. Trên lãnh thổ nước ta, TLM mùa 3 tháng qua thấp hơn TBNN từ 25 - 50 mm ở Bắc Bộ, các khu vực khác ở mức xấp xỉ TBNN (Hình 1.5).



Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai NĐTĐB mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (°C) trên khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)



Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai TLM mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (mm) trên khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)

1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam

1.2.1. Nhiệt độ

NĐTĐB mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 từ 11,5 đến 28°C, thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1,0°C xảy ra chủ yếu ở Bắc Trung Bộ, phần lớn Nam Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên; cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 1,0°C ở đa phần diện tích Bắc Bộ, Nam Tây Nguyên và Nam Bộ (Hình 1.6). NĐTĐB tháng 3/2025 từ trên 14,5 đến gần 29,5°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,3°C ở hầu hết Bắc Bộ, Tây Nguyên, phía nam của Nam Trung Bộ và Nam Bộ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C ở phần lớn Bắc Trung Bộ và phía Bắc của Nam Trung Bộ (Hình 1.7 và Bảng 1.1).

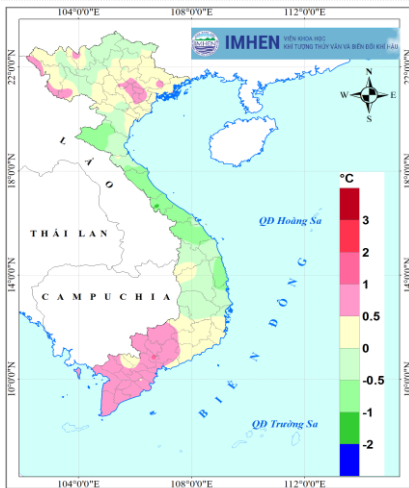
Nhiệt độ tối cao trung bình (NĐTCTB) mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 dao động từ trên 14,5 đến xấp xỉ 34°C; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 2,0°C ở hầu hết diện tích Trung Bộ và Tây Nguyên; cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 1,5°C phần lớn Bắc Bộ và Nam Bộ (Hình 1.8). NĐTCTB tháng 3/2025 dao động từ gần 18,5 đến xấp xỉ 35°C, thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C ở Trung Bộ và Tây Nguyên; cao hơn TBNN từ 0,1 đến xấp xỉ 2,0°C ở phần lớn Bắc Bộ và Nam Bộ (Hình 1.9).

Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 và trong tháng 3/2025 phổ biến từ 28 đến 37,5°C. Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 3/2025 là 40,3°C tại Cửa Rào (Nghệ An) vào ngày 27.

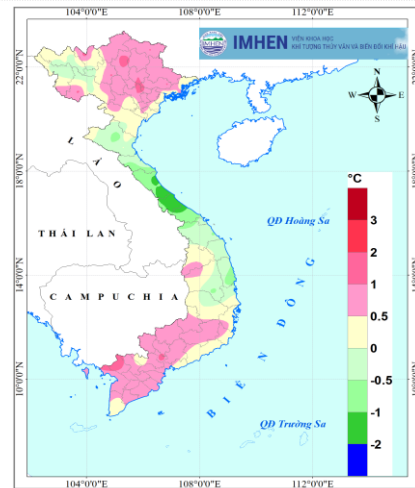
Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTĐTTB) mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 từ gần 9,5 đến xấp xỉ 25,5°C, thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1°C chủ yếu ở Đông Bắc và Bắc Trung Bộ; cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C ở Tây Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ (Hình 1.10). NĐTĐTTB tháng 3/2025 từ gần 12 đến trên 26°C; cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C ở Bắc Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ, thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1°C ở Bắc Trung Bộ (Hình 1.11 và Bảng 1.1).

Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTĐTĐ) mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 từ 3,5 đến 19°C và

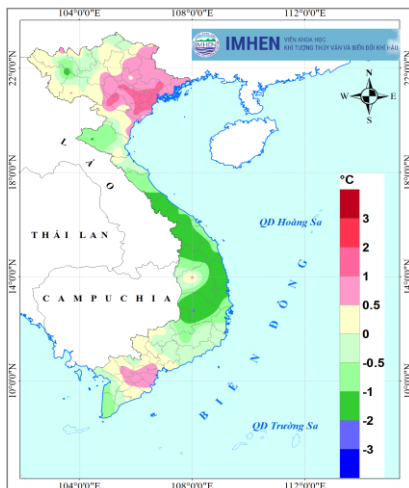
trong tháng 3/2025 phổ biến ở phía Bắc từ 9 đến 15°C, phía Nam từ trên 15 đến 24°C. Giá trị thấp nhất trong tháng 3/2025 là 5°C quan trắc được tại Sa Pa (Lào Cai) vào ngày 19.



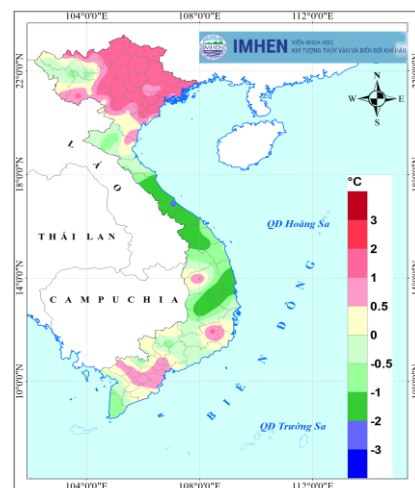
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (°C)



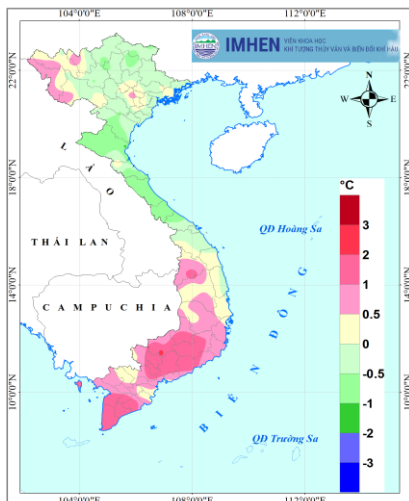
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 3/2025 (°C)



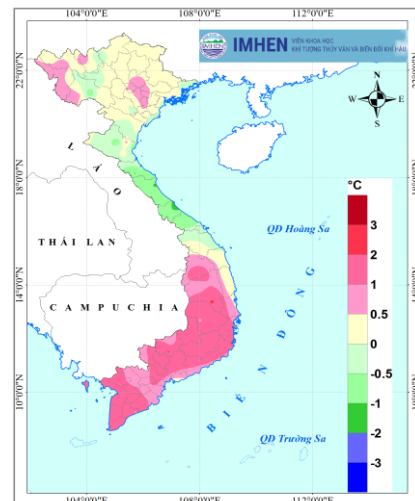
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (°C)



Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 3/2025 (°C)



Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (°C)



Hình 1.11. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 3/2025 (°C)

Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 3/2025 tại một số trạm quan trắc

Trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)		Nhiệt độ tối cao (°C)			Nhiệt độ tối thấp (°C)		
	NĐTB	CS	NĐTCTB	CS	NĐTCTĐ	NĐTTTB	CS	NĐTTTĐ
Điện Biên	21,5	0,4	29,2	0,4	35,0	17,0	0,9	13,9
Sơn La	20,7	0,2	27,6	0,5	34,7	15,7	-0,1	10,8
Sa Pa	14,7	0,8	18,4	0,3	25,4	11,7	0,8	5,0
Bắc Quang	21,3	0,9	26,1	1,7	32,0	18,1	0,0	13,8
Lạng Sơn	18,8	0,8	23,8	1,9	31,4	15,8	0,5	9,5
Thái Nguyên	21,0	1,0	24,2	1,2	30,1	18,8	0,8	14,0
Láng	21,4	1,1	24,8	1,5	30,0	19,4	0,9	13,8
Bãi Cháy	19,8	0,3	22,8	0,7	30,1	18,0	0,1	12,0
Phù Lĩễn	19,9	0,5	24,1	1,9	29,3	17,7	0,0	11,6
Thanh Hoá	20,3	0,3	23,4	0,5	28,5	18,4	0,1	13,4
Vinh	20,3	-0,4	23,6	-0,4	30,2	18,4	-0,2	13,8
Huế	22,2	-0,9	26,4	-1,3	35,0	19,4	-0,9	15,6
Đà Nẵng	24,0	-0,1	27,9	-0,5	31,8	21,6	-0,1	18,2
Quy Nhơn	25,1	-0,7	28,2	-1,8	31,6	23,2	0,0	19,7
Nha Trang	26,3	0,5	29,4	0,0	31,5	24,3	1,2	22,1
Phan Thiết	27,1	0,2	30,4	-0,4	32,7	24,8	0,9	23,3
Plây cu	23,3	0,5	31,7	1,2	35,3	18,3	0,6	13,7
B.M. Thuật	24,8	0,1	31,0	-1,5	35,7	20,8	0,9	17,8
Đà Lạt	19,6	1,5	26,3	1,2	28,9	15,0	1,9	11,2
Tân Sơn Nhất	29,2	1,1	34,7	0,8	36,5	26,0	1,6	24,0
Vũng Tàu	27,7	0,3	30,9	0,3	32,2	25,7	0,2	23,0
Rạch Giá	28,6	0,8	32,5	-0,3	34,2	25,6	1,4	24,0
Cần Thơ	28,2	0,9	33,3	0,7	34,7	25,1	1,1	23,5
Cà Mau	28,0	0,4	31,8	-0,8	33,4	26,1	1,8	24,8

(Chú thích: NĐTB: Nhiệt độ trung bình; CS: Chuẩn sai; NĐTCTB: Nhiệt độ tối cao trung bình; NĐTCTĐ: Nhiệt độ tối cao tuyệt đối; NĐTTTB: Nhiệt độ tối thấp trung bình; NĐTTTĐ: Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối).

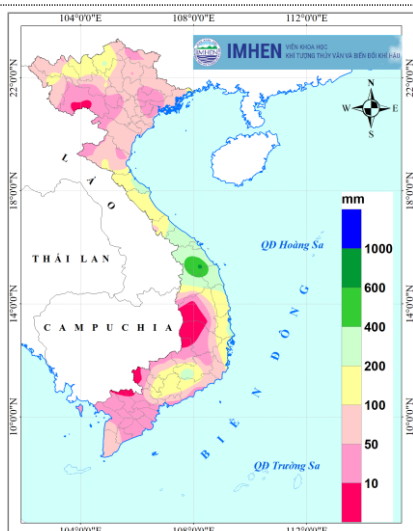
1.2.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng 1-3 năm 2025, tổng lượng mưa (TLM) ở đại bộ phận diện tích nước ta có giá trị thấp hơn 200 mm; riêng khu vực từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi có TLM từ 200 đến 400 mm (Hình 1.12). Lượng mưa thấp hơn TBNN ở Bắc Bộ, phía bắc của Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên, với tỷ chuẩn lượng mưa chủ yếu từ 25 đến 75%. Lượng mưa cao hơn TBNN ở phía nam của Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và đa phần Nam Bộ, với tỷ chuẩn lượng mưa từ trên 100 đến 200% (Hình 1.13).

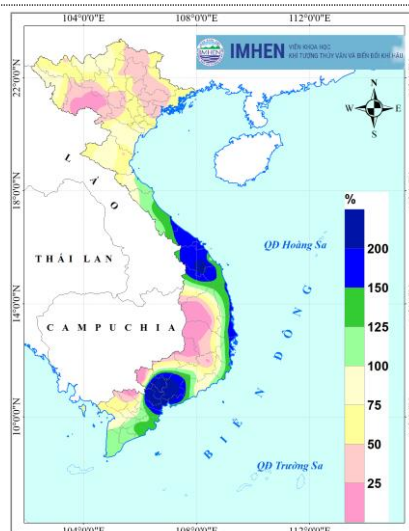
Trong tháng 3/2025, TLM ở nước ta phổ biến dưới 100 mm (Hình 1.14 và Bảng 1.2). Lượng mưa thấp hơn TBNN trên hầu hết diện tích cả nước, với tỷ chuẩn lượng mưa dưới 100% (Hình 1.15).

Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLN) trong mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 phổ biến từ 5 đến 60 mm; trong tháng 3/2025 phổ biến từ 1 đến 30 mm (Bảng 1.2). Giá trị lớn nhất của LMNLN tháng 3/2025 là 71 mm quan trắc được tại Cà Mau vào ngày 31.

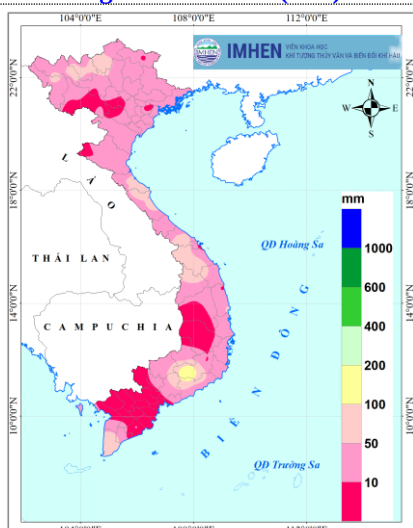
Số ngày mưa (SNM) trong mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 thấp hơn TBNN chủ yếu từ 1 đến 15 ngày ở Bắc Bộ, phía bắc của Bắc Trung Bộ và phần lớn Tây Nguyên; cao hơn TBNN từ 1 đến 10 ngày ở phía nam của Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ (Hình 1.16). Trong tháng 3/2025, SNM thấp hơn TBNN phổ biến từ 1 đến 8 ngày trên đại bộ phận diện tích Bắc Bộ, phía bắc của Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và phần lớn Nam Bộ; cao hơn TBNN từ 1 đến 5 ngày xảy ra chủ yếu ở phía nam của Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ (Hình 1.17 và Bảng 1.2).



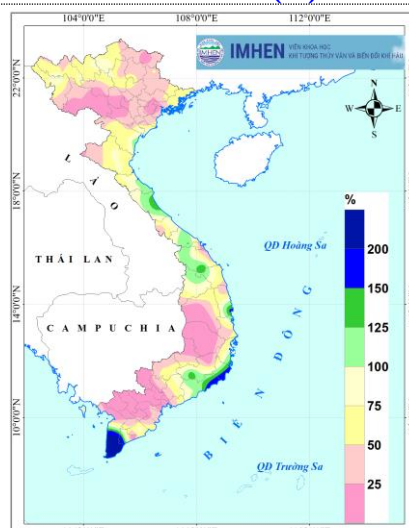
Hình 1.12. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (mm)



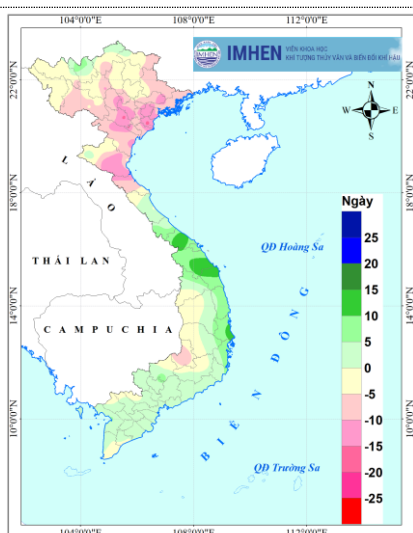
Hình 1.13. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (%)



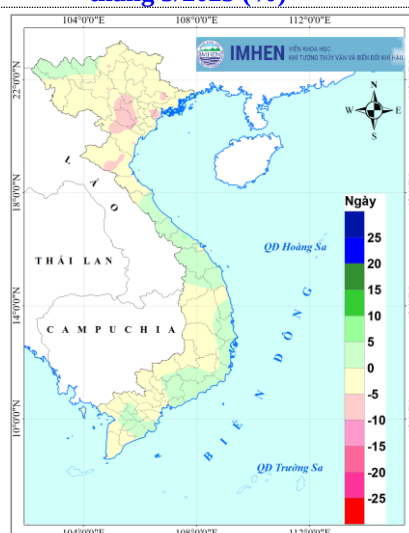
Hình 1.14. Phân bố lượng mưa tháng 3/2025 (mm)



Hình 1.15. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 3/2025 (%)



Hình 1.16. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (ngày)



Hình 1.17. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 3/2025 (ngày)

Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng 3/2025 tại một số trạm quan trắc

Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN (mm)
	TLM (mm)	TC (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
Điện Biên	31	52,3	5	-1,8	22
Sơn La	17	31,4	5	-1,9	12
Sa Pa	73	63,5	18	2,0	15
Bắc Quang	83	88,0	10	-5,6	30
Lạng Sơn	22	36,9	8	-4,6	12
Thái Nguyên	29	41,0	14	-3,5	14
Láng	19	35,8	12	-3,8	6
Bãi Cháy	30	59,2	12	-2,2	22
Phù Liễn	13	24,9	11	-5,9	4
Thanh Hoá	46	111,3	8	-6,0	34
Vinh	31	59,3	12	-3,2	8
Huế	51	109,3	16	5,3	12
Đà Nẵng	1	3,9	3	-2,0	1
Quy Nhơn	58	163,7	8	2,9	20
Nha Trang	40	112,8	6	2,0	11
Phan Thiết	8	102,7	3	2,2	5
Plây cu	3	9,6	1	-2,3	3
B.M. Thuột	0	0,0	0	-3,3	0
Đà Lạt	9	11,4	5	-2,0	3
Tân Sơn Nhất	1	8,5	1	-0,9	0
Vũng Tàu	1	16,4	1	-0,1	1
Rạch Giá	0	0,0	3	-0,1	0
Cần Thơ	3	17,6	2	0,2	2
Cà Mau	77	274,9	2	-1,0	71

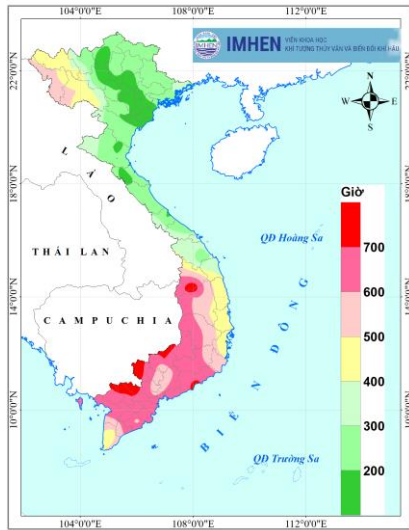
(Chú thích: TLM: Tổng lượng mưa; TC: Tỷ chuẩn; SNM: Số ngày mưa; CS: Chuẩn sai; LMNLN: Lượng mưa ngày lớn nhất).

1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm

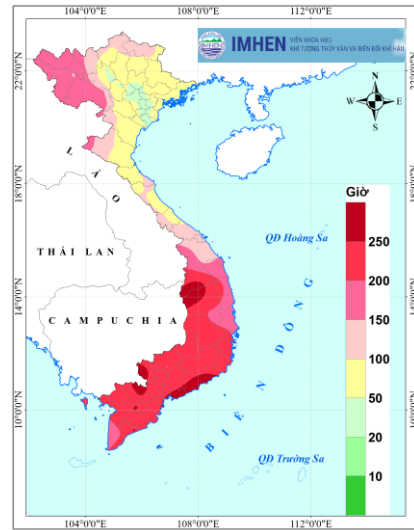
Tổng số giờ nắng (TSGN) mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 ở Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, phía bắc của Nam Trung Bộ từ 150 đến 400 giờ; khu vực Tây Bắc, phía nam của Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ có TSGN từ 400 đến trên 700 giờ. Trong tháng 3/2025, TSGN ở Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ từ 40 đến 150 giờ; khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ có TSGN từ 150 đến 260 giờ ([Hình 1.18](#) và [Hình 1.19](#)).

Tổng lượng bốc hơi (TLBH) mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 ở đa phần Tây Bắc, phần lớn Đông Bắc, Bắc Trung Bộ, phía bắc của Nam Trung Bộ từ 100 đến 200 mm; khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, Tây Nguyên, phía nam của Nam Trung Bộ và Nam Bộ từ 200 đến 400 mm ([Hình 1.20](#)). Trong tháng 3/2025, TLBH ở đại bộ phận diện tích phía Bắc lãnh thổ dưới 50mm; hầu hết diện tích phía Nam nước ta từ 50 đến 150mm. ([Hình 1.21](#)).

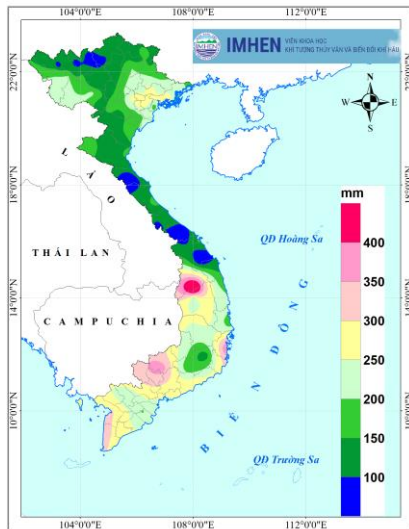
Chỉ số ẩm (A) trong 3 tháng qua có giá trị nhỏ hơn 1 ở Bắc Bộ, phía bắc của Bắc Trung Bộ, phía nam của Nam Trung Bộ, đại bộ phận diện tích Tây Nguyên và Nam Bộ; A lớn hơn 1 xảy ra trên khu vực phía nam của Bắc Trung Bộ và phía bắc của Nam Trung Bộ ([Hình 1.22](#)). Trong tháng 3/2025, A nhỏ hơn 1 ở Bắc Bộ, phía bắc của Bắc Trung Bộ, phần lớn Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ; A lớn hơn 1 xảy ra trên khu vực phía nam của Bắc Trung Bộ ([Hình 1.23](#)).



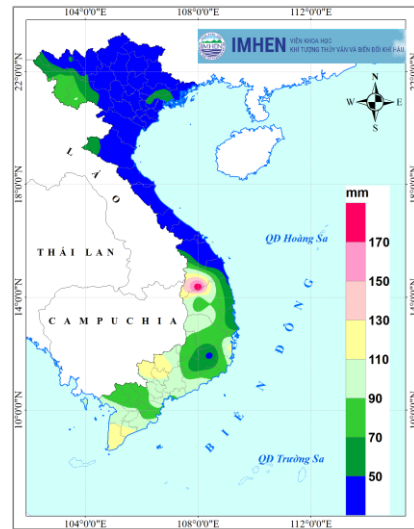
Hình 1.18. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (giờ)



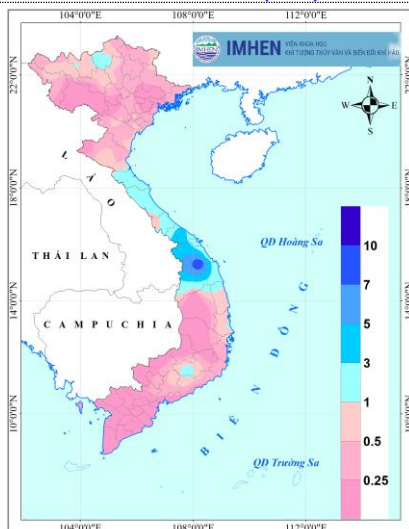
Hình 1.19. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 3/2025 (giờ)



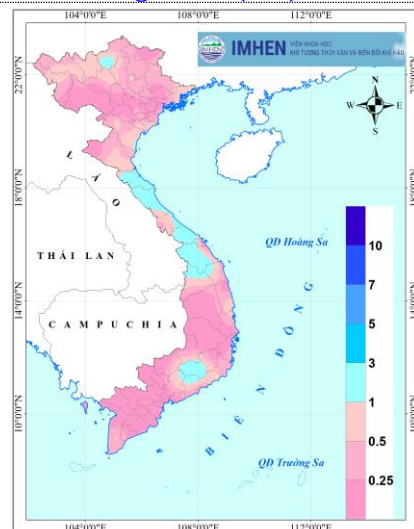
Hình 1.20. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 (mm)



Hình 1.21. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 3/2025 (mm)



Hình 1.22. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 1-3 năm 2025



Hình 1.23. Phân bố chỉ số ẩm tháng 3/2025

1.2.4. Một số hiện tượng khí tượng đặc biệt

Không khí lạnh (KKL): Trong mùa 3 tháng qua, có 10 đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta, trong đó tháng 1 và tháng 2 có 7 đợt và tháng 3 có 3 đợt. Các đợt KKL trong tháng 3 ảnh hưởng đến nước ta bắt đầu từ các ngày 05/3, 15/3 và 29/3. Các đợt KKL này đều gây ra rét đậm, rét hại ở các tỉnh miền núi Bắc Bộ, riêng đợt KKL ngày 29/3 gây rét đậm rét hại trên diện rộng ở Bắc Bộ trong ngày 30-31/3.

Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ): Có 1 ATNĐ hoạt động trên Biển Đông vào tháng tháng 02/2025, không gây ảnh hưởng đến thời tiết đất liền nước ta.

Mưa lớn: Trong mùa 3 tháng qua, chỉ xảy ra mưa lớn cục bộ ở một số nơi thuộc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

Đông lạnh: Có 10 trận đông lạnh xảy ra trong mùa 3 tháng qua, trong đó, tháng 2 có 3 trận, tháng 3 có 7 trận (6 trận kèm mưa đá). Các trận đông lạnh trong tháng 03/2025 xảy ra ở các tỉnh miền núi phía Bắc và Nam Bộ.

Nắng nóng: Trong tháng 3/2025, nắng nóng cục bộ xuất hiện ở Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ; riêng khu vực Đông Nam Bộ có nắng nóng diện rộng từ ngày 11 đến 15/3, với nhiệt độ tối cao phổ biến 35-37°C.

Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn (KTTV)

Thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc KTTV trong mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 chủ yếu do mưa lớn, đông lạnh, mưa đá gây ra, cụ thể: có 1 người chết, 9 người bị thương, trên 430 ngôi nhà bị sập, tốc mái, hư hỏng, gần 11.500 ha lúa và hoa màu, cây ăn quả bị thiệt hại và nhiều thiệt hại khác về công trình giao thông, thủy lợi, về cây công nghiệp,... (Nguồn: <https://phongchongthientai.mard.gov.vn>).

Diễn biến của khí hậu mùa 3 tháng 1 -3 năm 2025:**(1) Nhiệt độ**

- **Mùa 3 tháng 1-3 năm 2025:** NĐTB mùa 3 tháng 1-3 năm 2025 thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1,0°C xảy ra chủ yếu ở Bắc Trung Bộ, phần lớn Nam Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên; cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 1,0°C ở đa phần diện tích Bắc Bộ, Nam Tây Nguyên và Nam Bộ. NĐTCTB thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 2,0°C ở hầu hết diện tích Trung Bộ và Tây Nguyên; cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 1,5°C phần lớn Bắc Bộ và Nam Bộ. NĐTTTB thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1°C chủ yếu ở Đông Bắc và Bắc Trung Bộ; cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C ở Tây Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.
- **Tháng 3/2025:** NĐTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,3°C ở hầu hết Bắc Bộ, Tây Nguyên, phía nam của Nam Trung Bộ và Nam Bộ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C ở phần lớn Bắc Trung Bộ và phía Bắc của Nam Trung Bộ. NĐTCTB thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C ở Trung Bộ và Tây Nguyên; cao hơn TBNN từ 0,1 đến xấp xỉ 2,0°C ở phần lớn Bắc Bộ và Nam Bộ. NĐTTTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C ở Bắc Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ, thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1°C ở Bắc Trung Bộ.
- **Cực trị nhiệt độ tháng 3/2025:** Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 3/2025 là 40,3°C tại Cửa Rào (Nghệ An) vào ngày 27. Giá trị thấp nhất trong tháng 3/2025 là 5°C quan trắc được tại Sa Pa (Lào Cai) vào ngày 19.

(2) Lượng mưa

- **Mùa 3 tháng 1-3 năm 2025:** TLM thấp hơn TBNN ở Bắc Bộ, phía bắc của Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên, với tỷ chuẩn lượng mưa chủ yếu từ 25 đến 75%. TLM cao hơn TBNN ở phía nam của Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và đa phần Nam Bộ, với tỷ chuẩn lượng mưa từ trên 100 đến 200%.
- **Tháng 3/2025:** TLM thấp hơn TBNN trên hầu hết diện tích cả nước, với tỷ chuẩn lượng mưa dưới 100%. LMNLN phổ biến từ 1 đến 30 mm, với giá trị lớn nhất là 71 mm quan trắc được tại Cà Mau vào ngày 31.

(3) Hiện tượng cực đoan

- **Trong mùa 3 tháng 1-3 năm 2025,** có 10 đợt KKL, có 1 XTNĐ hoạt động trên Biển Đông, có 10 trận dông lốc và 1 đợt nắng nóng diện rộng xảy ra trên lãnh thổ nước ta.

PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5-7 NĂM 2025**2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực****2.1.1. Hiện tượng ENSO**

Bản tin của CPC (ngày 10/04/2025): Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO ở trạng thái trung tính. Trạng thái trung tính được nhận định sẽ duy trì trong mùa 3 tháng 5-7 với xác suất khoảng 80-85%, sau đó giảm dần trong mùa 3 tháng 6-8 với xác suất khoảng 65-70%.

Dự báo của IRI, đối với SSTA mùa tháng 5-7 năm 2025: Trên khu vực xích đạo TBD, SSTA phổ biến từ 0,25 đến 1,0°C ở phía Tây; từ -0,5 đến 0,25 °C ở Trung tâm và phía Đông. SSTA từ -1,0 đến 0,25°C trên khu vực xích đạo Đại Tây Dương và từ -0,25 đến 1°C trên khu vực xích đạo Ấn Độ Dương. Trên khu vực Biển Đông, SSTA phổ biến từ -0,25 đến 0,5°C (Hình 2.1). Giống với CPC, IRI cũng nhận định ENSO sẽ duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2025, tuy nhiên với xác suất 81%.

Dự báo của Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (ECMWF): SSTA trong mùa 5-7 năm 2025 tại khu vực NINO3.4 có giá trị phổ biến từ -0,2°C đến 0,8°C (Hình 2.2). Theo Cơ quan Khí tượng Úc (BOM), ENSO cũng sẽ duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2025.

Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO ở trạng thái trung tính. Dự báo ENSO sẽ duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2025, với xác suất khoảng 80-85%.

2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực**Nhiệt độ:**

Theo dự báo của IRI, NĐTB mùa 3 tháng 5-7 năm 2025 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết Châu Á với xác suất từ 40 đến trên 70%. Trên khu vực Việt Nam, NĐTB có khả năng cao hơn TBNN ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Bộ với xác suất 60-70%; xấp xỉ TBNN ở Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, với xác suất trên 40% (Hình 2.3).

Theo dự báo của ECMWF, NĐTB mùa 3 tháng 5-7 năm 2025 có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0 đến trên 2,0°C ở hầu hết Châu Á. Trên khu vực Việt Nam, NĐTB cao hơn TBNN từ 0-0,5°C (Hình 2.4).

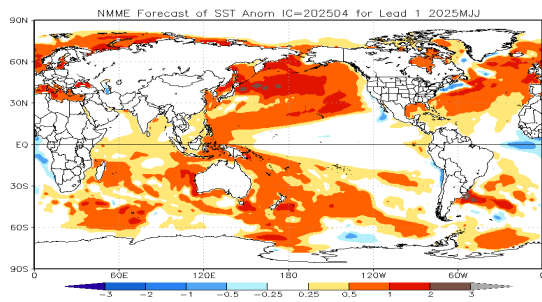
Nhận định: Kết quả dự báo của các mô hình trên thế giới cho thấy trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2025, nhiệt độ có khả năng xấp xỉ đến cao hơn giá trị TBNN ở Bắc Bộ; xấp xỉ TBNN ở Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ.

Lượng mưa:

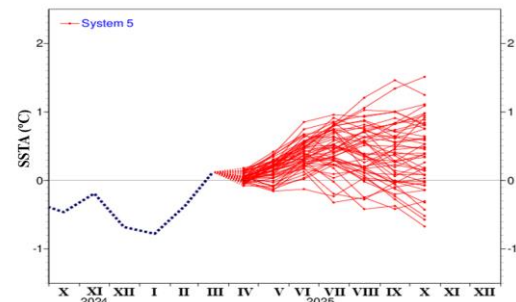
Theo dự báo của IRI, TLM mùa 3 tháng 5-7 năm 2025 xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở phần lớn diện tích Châu Á với xác suất từ 40 đến trên 70%; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở phần lớn diện tích của Tây Á, một phần diện tích Bắc Á, Đông Á, Nam Á với xác suất từ 40 đến 70% (Hình 2.5). Trên khu vực Việt Nam, TLM xấp xỉ TBNN ở phần lớn diện tích cả nước, riêng khu vực Nam Bộ TLM ở mức thấp hơn TBNN với xác suất trên 40%.

Theo dự báo của ECMWF, TLM xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0 đến 200 mm ở hầu hết Châu Á; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN từ 0 đến 50 mm tập trung chủ yếu ở Tây Á, một số nơi thuộc Bắc Á, Đông Á, Nam Á. Trên khu vực Việt Nam, TLM xấp xỉ TBNN ở trên toàn bộ diện tích cả nước (Hình 2.6).

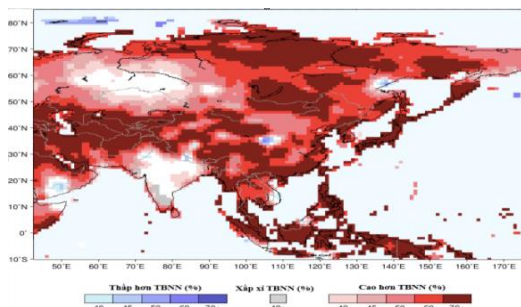
Nhận định: Kết quả dự báo của các mô hình trên thế giới cho thấy trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2025, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN trên phạm vi cả nước.



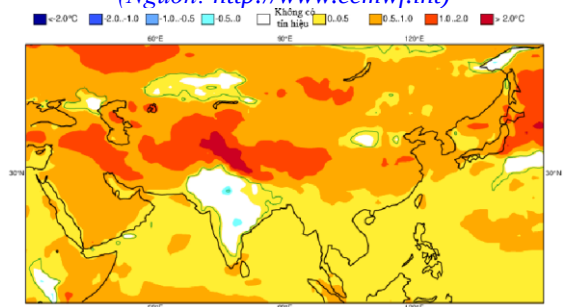
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 5-7 năm 2025
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu>)



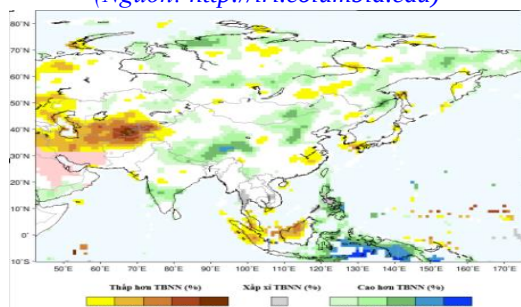
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 5-7 năm 2025
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



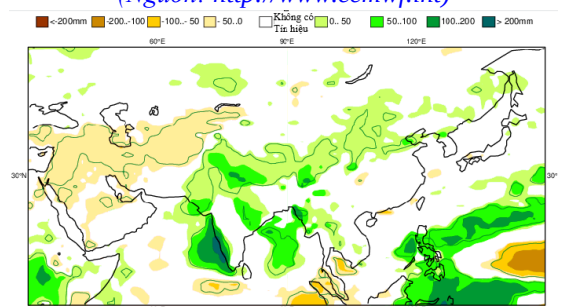
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2025 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2025
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2025 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2025
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)

2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, NĐTB mùa 3 tháng 5-7 năm 2025 có khả năng thấp hơn TBNN ở Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ và phần một phần diện tích của Bắc Bộ, với xác suất từ 55 đến trên 77%; cao hơn TBNN chủ yếu ở Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ với xác suất từ 55 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ dưới -1,5 đến 1,5°C (Hình 2.7, Bảng 2.1).

2.2.2. Dự báo lượng mưa

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, TLM mùa 3 tháng 5-7 năm 2025 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Tây Bắc, một phần diện tích Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ với xác suất phổ biến từ 55 đến trên 77%; thấp hơn TBNN ở một phần diện tích Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, phía Đông Tây Nguyên và một số nơi thuộc Nam Trung Bộ với xác suất từ 55% đến trên 77% (Hình 2.8, Bảng 2.1). Chuẩn sai TLM mùa 3 tháng được dự báo phổ biến từ -200 mm đến 400 mm.

2.2.3. Hiện tượng cực đoan

Theo số liệu thống kê trung bình mùa 3 tháng 5-7 thời kỳ 1991-2020 có khoảng 3 đến 4 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và 1 đến 2 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Nhận định thời điểm bắt đầu mùa bão ở mức xấp xỉ so với TBNN. Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2025 có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN (TBNN: 12-13 XTNĐ trên Biển Đông và 6-7 XTNĐ ảnh hưởng đến Việt Nam). Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2025, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng xấp xỉ TBNN (TBNN: 3-4 cơn trên Biển Đông và 1-2 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5-7 NĂM 2025

Một số nhận định chính về khí hậu mùa 3 tháng 5-7 năm 2025

Trên cơ sở phân tích diễn biến khí hậu và kết quả dự báo khí hậu (kết quả mô hình thống kê và động lực của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, bản tin của các trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới), một số nhận định khí hậu mùa 3 tháng 5-7 năm 2025 như sau:

1) Hoạt động của ENSO:

- Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO đang ở trạng thái trung tính. Dự báo ENSO sẽ duy trì trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2025, với xác suất khoảng 80-85%.

(2) Gió mùa:

- Gió mùa mùa hè (GMMH) ở Nam Bộ và Tây Nguyên có khả năng bắt đầu hoạt động ở mức xấp xỉ so với TBNN. Cường độ GMMH ở mức xấp xỉ TBNN. Thời điểm bắt đầu mùa mưa ở khu vực Nam Bộ và Tây Nguyên ở mức xấp xỉ với TBNN.

(3) Nhiệt độ:

- Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2025, nhiệt độ có khả năng xấp xỉ đến cao hơn giá trị TBNN ở Bắc Bộ; xấp xỉ TBNN ở Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ.

(4) Lượng mưa:

- Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2025, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN trên phạm vi cả nước.

(5) Hiện tượng cực đoan

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):

Thời điểm bắt đầu mùa bão ở mức xấp xỉ so với TBNN (Tháng 6). Số XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2025 có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN (TBNN: 12-13 XTNĐ trên Biển Đông và 6-7 XTNĐ ảnh hưởng đến Việt Nam).

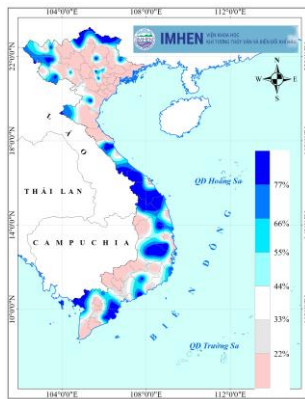
Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2025, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng xấp xỉ TBNN (TBNN: 3-4 cơn trên Biển Đông và 1-2 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- Nắng nóng:

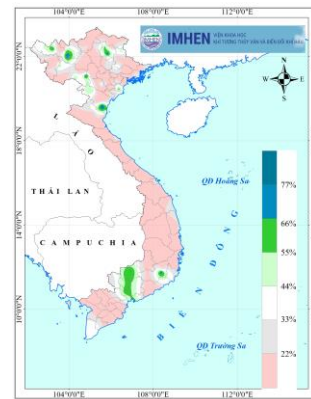
Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2025, nắng nóng có khả năng xảy ra diện rộng ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Cường độ nắng nóng ít gay gắt hơn so với năm 2024.

- Điều kiện khô hạn:

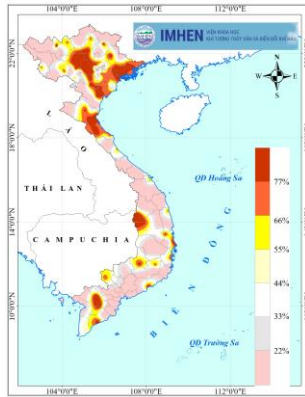
Trong mùa khô 2025, điều kiện khô hạn có thể xảy ra ở khu vực Trung Bộ, tuy nhiên mức độ không quá nghiêm trọng.



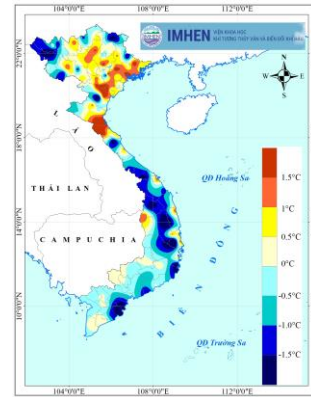
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)

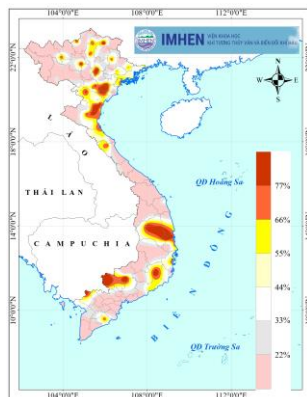


c) Xác suất cao hơn TBNN (%)

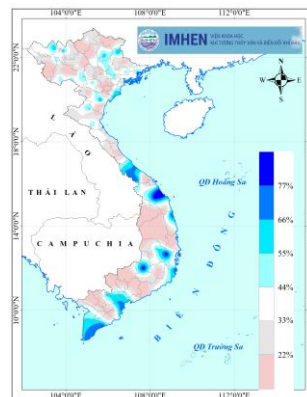


d) Chuẩn sai (°C)

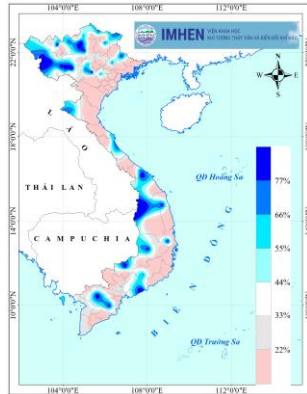
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 5-7 năm 2025



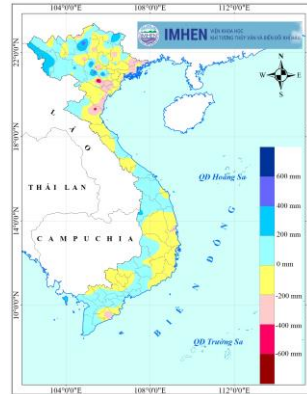
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)



c) Xác suất cao hơn TBNN (%)



d) Chuẩn sai (mm)

Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2025

Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2025

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
Tây Bắc									
1	Mường Tè	25,9	87,5	26,3	0	1204,1	0	1444,5	69,2
2	Sìn Hồ	19,5	10,5	19,8	21,1	1301,3	20	1524,3	35
3	Lai Châu	26,3	75	26,7	0	1095,9	0	1258,2	73,7
4	Điện Biên	25,6	0	25,9	76,9	726	9,1	887	90,9
5	Tuần Giáo	24,8	78,6	25,2	0	728,4	0	905,5	91,7
6	Sơn La	24,9	8,3	25,2	66,7	630	0	737,5	85,7
7	Quỳnh Nhai	26,9	84,6	27,2	0	778,3	17,6	948,3	29,4
8	Sông Mã	26,1	85,7	26,4	0	519,7	26,3	626,3	26,3
9	Yên Châu	26,8	30,8	27,1	15,4	487,6	21,4	634	28,6
10	Mộc Châu	22,8	6,3	23	62,5	601,1	26,1	772,3	34,8
Đông Bắc									
1	Sa Pa	19,3	16,7	19,6	33,3	1107,3	14,3	1285,5	14,3
2	Hà Giang	27,1	84,6	27,5	0	1186,9	0	1345,7	64,3
3	Bắc Quang	27,2	76,9	27,4	0	2338,7	0	2858,8	90,9
4	Cao Bằng	26,4	80	26,7	0	627,8	18,8	764,1	62,5
5	Lạng Sơn	26,2	83,3	26,6	0	501	0	684,5	84,6
6	Tuyên Quang	27,9	0	28,3	83,3	683,4	29,2	869,6	25
7	Thái Nguyên	27,8	0	28,1	68,8	831	30,4	1241,5	21,7
8	Yên Bái	27,4	0	27,7	91,7	739,6	92,3	943,1	7,7
9	Móng Cái	27,1	0	27,4	73,3	1141,8	76,9	1390,7	0
Đồng Bằng Bắc Bộ									
1	Vĩnh Yên	28,3	90,9	28,6	0	577,3	84,6	750,1	0
2	Việt Trì	28	0	28,4	91,7	625,7	69,2	751,2	0
3	Bắc Giang	28,1	5,3	28,3	68,4	595,4	36,4	790,8	9,1
4	Hải Dương	28,1	7,1	28,4	71,4	508,8	28,6	740,8	23,8
5	Hoà Bình	27,8	0	28,2	92,3	748,8	31,6	927,3	15,8
6	Phù Lũng	27,5	7,1	27,8	85,7	556,8	64,3	776	7,1
7	Nam Định	28,2	6,7	28,5	73,3	485,8	70	736,2	0
8	Thái Bình	28	16,7	28,4	22,2	491,3	18,2	629,4	27,3
9	Ninh Bình	28,2	0	28,5	71,4	530,6	78,6	666	7,1
Bắc Trung Bộ									
1	Thanh Hoá	28,2	5	28,5	65	400,2	81,8	606,7	0
2	Bãi Thượng	27,7	90,9	28,1	0	667,8	61,5	827,1	0
3	Vinh	28,7	8,3	29,1	75	272,9	75	424,3	0
4	Tương Dương	27,7	75	28	8,3	368	0	495,2	71,4
5	Hà Tĩnh	28,7	15,4	29,1	69,2	302,8	64,3	452,7	7,1
6	Tuyên Hoá	28,4	88,9	28,9	0	337,9	80	470,8	0
7	Đồng Hới	28,9	6,7	29,2	73,3	205,1	11,1	264,2	77,8
8	Đồng Hà	28,8	0	29,3	100	191,9	11,1	294,7	0
9	Huế	28,6	91,7	29,1	0	203,8	6,7	342,9	73,3
10	A Lưới	24,4	100	24,8	0	527,9	14,3	630,5	14,3
Nam Trung Bộ									
1	Đà Nẵng	28,8	0	29	66,7	179,9	15	277,3	60
2	Tam Kỳ	28,3	100	28,7	0	193,5	0	310,1	0
3	Trà My	26,7	100	26,9	0	622,9	0	820,4	14,3
4	Quảng Ngãi	28,5	76,5	28,8	0	219,6	38,5	335,3	23,1
5	Ba Tơ	27,8	75	28	0	411,7	0	490,5	85,7
6	Quy Nhơn	29,4	76,5	29,7	0	121,4	66,7	214	0
7	Tuy Hoà	28,8	0	29,3	91,7	117,8	70	187,3	0
8	Sơn Hoà	28,3	100	28,8	0	276	0	325,3	88,9
9	Nha Trang	28,3	7,7	28,6	84,6	115	80	182,1	0
10	Trường Sa	28,6	100	28,9	0	518,2	0	657,9	100
Tây Nguyên									
1	Kon Tum	24,6	0	24,9	100	704	0	837,9	100

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
2	Đắc Tô	23,7	80	24	0	738,5	0	875,3	100
3	Pleiku	22,8	0	23,2	78,6	867,8	90	1063,9	10
4	Ayunpa	27,4	0	27,8	83,3	351,9	100	473,1	0
5	M'Drak	25,7	100	26	0	353,5	14,3	428,7	0
6	Đắc Nông	23,1	0	23,4	85,7	886,6	14,3	1073,8	0
7	Đà Lạt	18,9	0	19,1	76,9	565	78,6	692,3	7,1
8	Liên Khương	22	27,3	22,2	0	497,3	88,9	639,7	0
9	Bảo Lộc	22,3	85,7	22,6	0	833,3	7,7	975,6	69,2
Nam Bộ									
1	Phan Thiết	27,6	0	28	90,9	355,4	66,7	516,3	0
2	Phước Long	25,9	16,7	26,4	16,7	900	0	1134,1	87,5
3	Vũng Tàu	27,3	12,5	28,1	25	564,9	17,4	724,1	26,1
4	Mỹ Tho	27,4	80	27,9	0	466,2	17,6	590,3	17,6
5	Cần Thơ	27	0	27,3	100	566,9	21,4	662,7	57,1
6	Rạch Giá	28,1	81,8	28,4	0	719,2	29,2	938,3	25
7	Phủ Quốc	27,7	76,9	28	0	1020,8	0	1231,2	66,7
8	Sóc Trăng	27,3	80	27,6	0	681,3	77,8	817,2	0
9	Cà Mau	27,4	0	27,7	57,1	865,7	12,5	1021,3	18,8

(*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)

XSHC - Xác suất thấp hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

XSVC - Xác suất cao hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

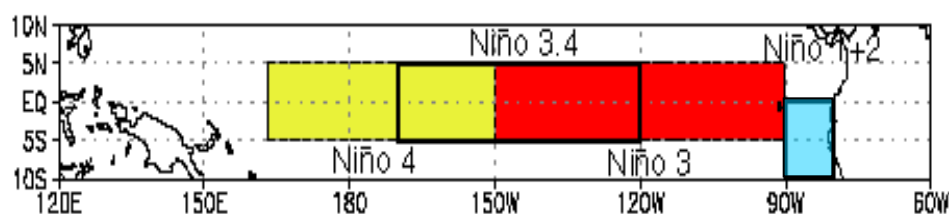
MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

El Nino: El Nino là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Nino còn được gọi là "pha nóng".

La Nina: Ngược với El Nino, La Nina là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Nina còn được gọi là "pha lạnh".

Trạng thái trung gian: Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

Xích đạo TBD
là khu vực nằm
trong khoảng
20°N - 20°S,
100°E - 60°W.



Để xác định các hiện tượng El Nino/La Nina người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

Dao động Nam (SO): SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

Chỉ số Dao động Nam (SOI): SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

ENSO: Do 2 hiện tượng El Nino/La Nina (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO./.